

**Công ty Cổ Phần MT Gas**  
(trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MT Gas)

*Các Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  
ngày 31 tháng 12 năm 2006*

*và Báo cáo của Hội đồng Quản trị*



**Công ty Cổ Phần MT Gas**  
(trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MT Gas)

*Các Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  
ngày 31 tháng 12 năm 2006*

*và Báo cáo của Hội đồng Quản trị*

# Công ty Cổ Phần MT Gas

(trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MT Gas)

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân Đối Kế Toán	4 - 5
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	6
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	7 - 8
Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	9 - 20

# Công ty Cổ Phần MT Gas

(trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MT Gas)

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần MT Gas (trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MT Gas) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày.

## CÔNG TY

Trước khi chuyển thành công ty cổ phần như được trình bày trong Thuyết minh số 1 và số 13 của các báo cáo tài chính, Công ty là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5002000031 ngày 18 tháng 1 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Hoạt động chính của Công ty là chiết nạp, phân phối ga, dầu nhớt công nghiệp và dân dụng; vận tải đường bộ và đường thủy; thực hiện các dịch vụ xếp dỡ hàng hóa tại cảng; kinh doanh máy móc, thiết bị công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất; dịch vụ cho thuê kho; xây dựng và quản lý khu công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô số 1, Xã Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận sau thuế trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đạt 3.079.881 ngàn đồng Việt Nam (2005: 21.035 ngàn đồng Việt Nam).

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty đã trả khoản cổ tức trị giá 2.500.000 ngàn đồng Việt Nam (2005: 800.000 ngàn đồng Việt Nam).

## CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoại trừ nội dung được trình bày trong Thuyết minh số 13 của các báo cáo tài chính, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Tự Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Chủ tịch	được bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2006
Ông Phạm Thế Cường	Thành viên	
Ông Trần Quang Tuyến	Thành viên	được bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2006
Bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Thành viên	
Bà Lê Thị Minh Thùy	Thành viên	
Bà Vũ Thị Kim Quy	Thành viên	được bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2006

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ Phần MT Gas

(trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MT Gas)

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

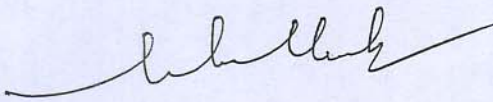
Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Lê Tự Minh  
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 9 năm 2007



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
ngày 31 tháng 12 năm 2006

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>24.174.589</b>	<b>2.657.251</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>1.541.242</b>	<b>210.163</b>
111	1. Tiền	3	1.541.242	210.163
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu</b>		<b>7.193.321</b>	<b>607.621</b>
131	1. Phải thu khách hàng		7.193.321	206.521
132	2. Trả trước cho người bán		-	401.100
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>12.002.239</b>	<b>155.545</b>
141	1. Hàng tồn kho	4	12.002.239	155.545
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.437.787</b>	<b>1.683.922</b>
152	1. Thuế Giá trị Gia tăng được khấu trừ		1.699.208	153.189
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	5	1.738.579	1.530.733
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>31.035.704</b>	<b>22.856.763</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>25.010.557</b>	<b>16.981.616</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	24.641.467	540.128
222	Nguyên giá		27.504.079	1.760.502
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.862.612)	(1.220.374)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	369.090	16.441.488
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.025.147</b>	<b>5.875.147</b>
268	1. Tài sản dài hạn khác	8	6.025.147	5.875.147
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>55.210.293</b>	<b>25.514.014</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2006

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>43.345.959</b>	<b>23.660.315</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>29.472.437</b>	<b>7.000.896</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	4.701.492	6.144.862
312	2. Phải trả người bán		21.978.853	710.962
313	3. Người mua trả tiền trước	9	1.548.142	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.044.140	21.734
315	5. Phải trả người lao động		50.824	39.612
316	6. Chi phí phải trả		148.986	83.726
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>13.873.522</b>	<b>16.659.419</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	12	5.617.460	5.508.540
334	2. Vay và nợ dài hạn	11	8.243.712	11.145.179
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		12.350	5.700
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>11.864.334</b>	<b>1.853.699</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>11.864.334</b>	<b>1.853.699</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		11.230.754	1.800.000
420	2. Lợi nhuận chưa phân phối		633.580	53.699
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>55.210.293</b>	<b>25.514.014</b>

*Nguyễn Thị Minh Châu*

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Văn Tuấn*  
Tổn Giám đốc

Ngày 25 tháng 9 năm 2007



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	44.926.791	15.430.133
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14	-	(10.114)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.926.791	15.420.019
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(37.666.963)	(14.301.614)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.259.828	1.118.405
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		17.985	19.437
22	7. Chi phí tài chính	16	(1.849.510)	(99.791)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(979.160)	(99.791)
24	8. Chi phí bán hàng		(532.646)	(93.587)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(1.924.214)	(761.809)
30	10. Lợi nhuận thuần		2.971.443	182.655
31	11. Thu nhập khác	17	1.513.940	-
32	12. Chi phí khác		(155.578)	(19.138)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		1.358.362	(19.138)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		4.329.805	163.517
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	(1.249.924)	(142.482)
60	16. Lợi nhuận sau thuế		3.079.881	21.035

*nguyenthm2*

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



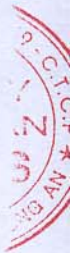
Trần Đình Luật  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 9 năm 2007

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		4.329.805	163.517
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	6	1.866.643	312.870
03	Các khoản dự phòng		6.650	1.900
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	16	139.302	-
05	Lãi từ thanh lý tài sản cố định		(540.732)	-
06	Chi phí lãi vay	16	979.160	99.791
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.780.828	578.078
09	Tăng các khoản phải thu		(8.389.774)	(155.162)
10	Tăng hàng tồn kho		(11.846.694)	(94.065)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		23.868.483	(329.940)
12	Giảm chi phí trả trước		-	6.274
13	Tiền lãi vay đã trả		(785.100)	(99.791)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(259.734)	(171.415)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.368.009	(266.021)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Mua sắm tài sản cố định		(9.778.803)	(16.441.488)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	17	610.095	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.168.708)	(16.441.488)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	3, 13	4.888.805	1.927.188
32	Hoàn trả vốn góp của chủ sở hữu	13	(600.000)	-
33	Tiền vay đã nhận được		1.637.778	15.362.853
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.294.805)	-
36	Cổ tức đã trả	13	(2.500.000)	(800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.131.778	16.490.041



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.331.079	(217.468)
60	Tiền tồn đầu năm		210.163	427.631
70	Tiền tồn cuối năm	3	1.541.242	210.163

*nguyenm2*

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



*Trần Đình Đạt*  
Trần Đình Đạt  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 9 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Trước khi chuyển thành công ty cổ phần, Công ty là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5002000031 ngày 18 tháng 1 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp. Tại buổi họp ngày 17 tháng 12 năm 2006, Hội đồng Quản trị của Công ty đã đồng ý và quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành một công ty cổ phần. Ngày 12 tháng 2 năm 2007, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp, phê duyệt việc chuyển đổi nêu trên và việc đổi tên công ty thành Công ty Cổ Phần MT Gas.

Hoạt động chính của Công ty là chiết nạp, phân phối ga, dầu nhớt công nghiệp và dân dụng; vận tải đường bộ và đường thủy; thực hiện các dịch vụ xếp dỡ hàng hóa tại cảng; kinh doanh máy móc, thiết bị công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất; dịch vụ cho thuê kho; xây dựng và quản lý khu công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô số 1, Xã Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

**2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU*****Cơ sở trình bày báo cáo tài chính***

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

## 2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *Các chính sách kế toán mới*

Công ty đã áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm tài chính trước ngoại trừ việc Công ty đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” mới do Bộ Tài chính ban hành và có liên quan đến hoạt động của Công ty. Chuẩn mực này có hiệu lực trong năm 2006.

Chuẩn mực mới nêu trên đã được áp dụng mà không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hoặc tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Tuy nhiên, một vài số liệu công bố bổ sung theo các chuẩn mực kế toán mới cũng đã được trình bày trong các báo cáo tài chính.

### *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho ở giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

### *Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

### *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

**2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Chi phí chờ phân bổ***

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong kỳ mà các khoản phải trả được thực hiện cho hoặc trong kỳ mà Công ty tạo ra lợi ích từ các khoản chi phí.

***Ký quỹ, ký cược dài hạn***

Các khoản phải thu và phải trả từ việc ký quỹ và nhận ký quỹ dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

***Tài sản cố định***

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Khấu hao***

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Vật kiến trúc	5 – 15 năm
Máy móc & thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Tài sản khác	5 năm

***Các khoản phải trả và trích trước***

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

***Trích trước trợ cấp thôi việc***

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 1 năm với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc.

***Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

*Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

*Tiền cho thuê*

Doanh thu từ tiền cho thuê bồn gas được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận trên cơ sở dồn tích tùy theo tính chất của hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	131.167	146.550
Tiền gửi ngân hàng	<u>1.410.075</u>	<u>63.613</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.541.242</u></b>	<b><u>210.163</u></b>

Một số nghiệp vụ phi tiền tệ trọng yếu được loại trừ khi lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chuyển đổi các khoản vốn vay thành vốn góp	3.827.112	-
Chuyển đổi các khoản lãi vay và các khoản phải trả khác thành vốn góp	1.314.837	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

4. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	12.002.239	155.545

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho các cổ đông (Thuyết minh số 19)	1.559.425	1.270.170
Tạm ứng cho nhân viên	179.154	260.563
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.738.579</b>	<b>1.530.733</b>

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VNĐ				
	Vật kiến trúc	Máy móc & Thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	258.652	1.176.907	148.289	176.654	1.760.502
Tăng trong năm-xây dựng mới	25.908.774	128.571	-	-	26.037.345
Giảm trong năm-thanh lý	-	(293.768)	-	-	(293.768)
Số cuối năm	26.167.426	1.011.710	148.289	176.654	27.504.079
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	202.609	768.259	108.746	140.760	1.220.374
Khấu hao trong năm	1.621.825	179.830	29.658	35.330	1.866.643
Giảm trong năm-thanh lý	-	(224.405)	-	-	(224.405)
Số cuối năm	1.824.434	723.684	138.404	176.090	2.862.612
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	56.043	408.648	39.543	35.894	540.128
Số cuối năm	24.342.992	288.026	9.885	564	24.641.467
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp cho khoản vay</i> <i>(Thuyết minh số 11)</i>	24.342.992	-	-	-	24.342.992

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay tổng cộng là 374.345 ngàn đồng Việt Nam vào giá trị tài sản cố định mới được xây dựng. Khoản mục này thể hiện chi phí lãi vay phát sinh trên khoản vay trung hạn từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn-Chi nhánh Sài Gòn, nhằm tài trợ cho việc xây dựng các bồn chứa ga.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Khu công nghiệp Phước Đông	364.027	-
Nhà kho	5.063	-
Xây dựng bồn chứa gas	-	13.720.585
Xây dựng cầu cảng	-	2.720.903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>369.090</b>	<b>16.441.488</b>

Trong năm, Công ty đã hoàn thành xây dựng các bồn gas và các cầu cảng và đã kết chuyển sang tài sản cố định.

**8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ sử dụng bình ga mượn từ nhà cung cấp.

**9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh thu chưa thực hiện	1.368.720	-
Người mua trả tiền trước	179.422	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.548.142</b>	<b>-</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 18</i> )	1.011.924	21.734
Thuế thu nhập cá nhân	32.216	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.044.140</b>	<b>21.734</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

## 11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Công ty có khoản vay từ Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, và đã giải ngân lần đầu vào tháng 8 năm 2005 để tài trợ cho việc xây dựng các bồn chứa ga. Kỳ hạn của hợp đồng vay là 48 tháng, gồm cả thời gian ân hạn là 12 tháng tính từ lần giải ngân đầu tiên và khoản vay được hoàn trả thành 13 phân kỳ tính theo quý. Chi tiết khoản vay vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	Giá trị vay Đô la Mỹ	Số dư cuối năm Đô la Mỹ	Số dư cuối năm Ngàn VNĐ	Lãi suất
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Việt Nam-Chi nhánh Sài Gòn	950.000	804.000	12.945.204	Từ 5.5% đến 7.53%/năm
<i>Trong đó:</i>				
Nợ dài hạn đến hạn trả		292.000	4.701.492	
Nợ dài hạn		512.000	8.243.712	

Khoản vay được đảm bảo bằng các bồn chứa ga, được hình thành và tài trợ bởi khoản vay này, với giá trị còn lại là 24.342.992 ngàn đồng Việt Nam (*Thuyết minh số 6*).

## 12. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền ký quỹ sử dụng bình ga nhận từ khách hàng.

## 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ đã góp	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngàn VNĐ Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>			
Số đầu năm	1.800.000	832.664	2.632.664
Lợi nhuận tăng trong năm	-	21.035	21.035
Chia lãi	-	(800.000)	(800.000)
Số cuối năm	1.800.000	53.699	1.853.699
<b>Năm nay:</b>			
Số đầu năm	1.800.000	53.699	1.853.699
Tăng vốn trong năm	10.030.754	-	10.030.754
Hoàn trả vốn trong năm ( <i>Thuyết minh số 19</i> )	(600.000)	-	(600.000)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	3.079.881	3.079.881
Chia lãi ( <i>Thuyết minh số 19</i> )	-	(2.500.000)	(2.500.000)
Số cuối năm	11.230.754	633.580	11.864.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

Chi tiết vốn điều lệ đã góp vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	<i>Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh</i>		<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số tiền</i>	<i>%</i>	<i>Vốn điều lệ đã góp</i>	<i>Vốn điều lệ vượt mức (chưa góp)</i>
Ông Lê Tự Minh	500.000	28	5.089.906	4.589.906
Bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa	300.000	17	531.284	231.284
Bà Lê Thị Minh Thùy	100.000	6	286.051	186.051
Ông Phạm Thế Cường	300.000	17	664.105	364.105
Công đoàn Công ty Cơ Khí Long An	300.000	17	-	(300.000)
Công ty Cơ Khí Long An	300.000	17	-	(300.000)
Ông Nguyễn Đức Bình	-	-	3.320.527	3.320.527
Bà Võ Thị Kim Quy	-	-	531.763	531.763
Ông Trần Quang Tuyến	-	-	807.118	807.118
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.800.000</b>	<b>100%</b>	<b>11.230.754</b>	<b>9.430.754</b>

Ngày 1 tháng 7 năm 2006, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc Công đoàn Công ty Cơ Khí Long An và Công ty Cơ Khí Long An chuyển nhượng phần vốn góp của họ tương ứng là 300.000 ngàn VNĐ và 300.000 ngàn VNĐ cho ông Trần Quang Tuyến. Ông Trần Quang Tuyến sau đó đã góp thêm tổng số vốn là 528.979 ngàn VNĐ để nâng tổng số vốn góp của mình lên 1.128.979 ngàn VNĐ tại ngày 11 tháng 2 năm 2007.

Tại buổi họp ngày 17 tháng 12 năm 2006, Hội đồng Quản trị của Công ty đã đồng ý và quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. Ngày 12 tháng 2 năm 2007, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp, phê duyệt việc chuyển đổi nêu trên và đổi tên công ty thành Công ty Cổ Phần MT Gas. Công ty cổ phần mới thành lập có vốn điều lệ đăng ký là 50.000.000 ngàn VNĐ. Ngày 23 tháng 3 năm 2007, Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ nhất cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000179 về việc tăng vốn điều lệ lên 100.000.000 ngàn VNĐ.

**14. DOANH THU**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán hàng	37.370.506	15.430.133
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.556.285	-
Trừ: hàng bán bị trả lại	-	(10.114)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>44.926.791</b>	<b>15.420.019</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	35.893.850	14.301.614
Chi phí nhân công	521.872	321.736
Khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 6)	1.866.643	312.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.690.968	320.581
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.973.333</u></b>	<b><u>15.256.801</u></b>

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	979.160	99.791
Chi phí bảo lãnh (Thuyết minh số 19)	731.048	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	139.302	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.849.510</u></b>	<b><u>99.791</u></b>

**17. THU NHẬP KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt thu từ nhà thầu cho không hoàn thành công trình xây dựng đúng hạn	900.000	-
Thu thanh lý tài sản cố định	610.095	-
Thu nhập khác	3.845	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.513.940</u></b>	<b><u>-</u></b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 28% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>4.329.805</b>	<b>163.517</b>
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Chi phí không có chứng từ hợp lệ	84.818	345.347
Các khoản khác	49.390	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>4.464.013</b>	<b>508.864</b>
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	1.249.924	142.482
Thuế TNDN phải trả đầu năm	21.734	50.667
Thuế TNDN đã trả trong năm	(259.734)	(171.415)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>1.011.924</b>	<b>21.734</b>

**19. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			Ngàn VNĐ	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị	
Ông Lê Tự Minh	Cổ đông	Góp vốn	2.887.001	
		Chuyển đổi từ vốn vay thành vốn góp	1.649.813	
		Chia lãi	1.262.499	
		Tạm ứng	1.454.292	
		Chi phí bảo lãnh cho việc sử dụng tài sản của ông Minh đi thế chấp vay ngân hàng	731.048	
		Thù lao	252.891	
		Chi phí lãi vay	194.060	
Ông Nguyễn Đức Bình	Cổ đông	Góp vốn	2.210.203	
		Chuyển đổi từ vốn vay thành vốn góp	1.479.924	
		Chia lãi	624.999	
		Tạm ứng	860.370	
Ông Phạm Thế Cường	Cổ đông	Góp vốn	42.562	
		Chuyển đổi từ vốn vay thành vốn góp	277.375	
		Chia lãi	125.000	
		Tạm ứng	148.137	
Bà Vũ Thị Kim Quy	Cổ đông	Góp vốn	162.802	
		Chuyển đổi từ vốn vay thành vốn góp	320.000	
		Chia lãi	100.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

**19. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
				Giá trị
Ông Trần Quang Tuyến	Cổ đông	Góp vốn		600.000
		Chuyển đổi từ vốn vay thành vốn góp		100.000
		Chia lãi		212.502
Bà Lê Thị Minh Thùy	Cổ đông	Góp vốn		140.001
		Chia lãi		75.000
		Tạm ứng		15.854
Bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Cổ đông	Góp vốn		161.073
		Chia lãi		100.000
		Tạm ứng		48.137
Công đoàn Công ty Cơ Khí Long An	Cổ đông	Hoàn trả vốn		300.000
		Tạm ứng		30.000
Công ty Cơ Khí Long An	Cổ đông	Hoàn trả vốn		300.000
		Tạm ứng		324.139
Công ty TNHH Công Nghiệp	Công ty liên kết	Bán hàng		4.624.835
		Xây dựng bồn chứa ga		2.097.859

Số dư các khoản tạm ứng cho các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được thể hiện như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Ngàn VND	
			Giá trị
Ông Lê Tự Minh	Cổ đông		786.228
Ông Trần Quang Tuyến	Cổ đông		234.783
Ông Phạm Thế Cường	Cổ đông		233.985
Ông Nguyễn Đức Bình	Cổ đông		172.858
Bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Cổ đông		126.135
Bà Lê Thị Minh Thùy	Cổ đông		186
Bà Vũ Thị Kim Quy	Cổ đông		5.250
			<u>1.559.425</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày

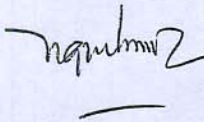
**20. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê mặt bằng để xây dựng xưởng chiết nạp ga theo một hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng số tiền thuê tối thiểu theo các thời hạn:		
Đến 1 năm	77.285	76.186
Trên 1 đến 5 năm	309.139	304.742
Trên 5 năm	1.532.815	1.587.200
<b>Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang</b>	<b><u>1.919.239</u></b>	<b><u>1.968.128</u></b>

**21. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và cho năm kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 25 tháng 9 năm 2007.



Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



Ngày 25 tháng 9 năm 2007